

Số: 337/2025/QĐST-KDTM *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025*

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 306 của Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2022;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 1006/2025/TLST-KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2025;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH A**

Địa chỉ: 275/9 Q, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông M - Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T và bà P (Giấy ủy quyền lập ngày 05/5/2025).

Địa chỉ của ông T: 67 L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ của bà P: 04 P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Công ty TNHH B**

Địa chỉ: 20/31A N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật: Ông T - Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông D và ông T (Giấy ủy quyền lập ngày 06/8/2025)

Cùng địa chỉ: Số 5, Đường số X, Khu đô thị S, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty TNHH B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH A tổng số tiền còn nợ là 449.507.465 (bốn trăm bốn mươi chín triệu năm trăm lẻ bảy ngàn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng, trong đó số tiền nợ gốc của đợt thanh toán thứ 3 của hợp đồng kinh tế số 242601/HĐKT/GPX-DT ký ngày 26/01/2024 giữa Công ty TNHH A và Công ty TNHH B là 432.344.000 (bốn trăm ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn) đồng và tiền lãi là 17.163.465 (mười bảy triệu một trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng vào ngày 22/9/2025.

Kể từ ngày Công ty TNHH A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH B không thi hành khoản tiền nêu trên theo đúng thỏa thuận thì Công ty TNHH B còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 10.990.149 (mười triệu chín trăm chín mươi ngàn một trăm bốn mươi chín) đồng.

- Công ty TNHH A thỏa thuận chịu 5.495.074 (năm triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn không trăm bảy mươi bốn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.778.000 (mười ba triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0053612 ngày 09/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty A được hoàn lại số tiền chênh lệch là 8.282.926 (tám triệu hai trăm tám mươi hai ngàn chín trăm hai mươi sáu) đồng.

- Công ty TNHH B thỏa thuận chịu 5.495.075 (năm triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn không trăm bảy mươi lăm) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2022.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn Thiện Liên Hương